**UBND XÃ DIỄN CHÂU** **Phụ lục 1**
**TRƯỜNG MẦM NON DIỄN CHÂU 2**

# KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 5 - 6 TUỔI
# NĂM HỌC 2026 - 2027

*(Kèm theo Kế hoạch số 76/KH-MNDC2 ngày 30 tháng 9 năm 2026)*

| TT | Chủ đề lớn | Chủ đề nhánh | Tuần số | Thời gian |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Trường Mầm non- bé vui trung thu** (3 tuần) | - Trường MN Diễn Châu 2 thân yêu | Tuần 1 | Từ ngày 07 đên 11/9/2026 |
| | | - Lớp học của bé | Tuần 2 | Từ ngày 14/9 đên 18/9/2026 |
| | | - Bé vui đón Tết trung thu | Tuần 3 | Từ ngày 21/9 đên 25/9/2026 |
| 2 | **Bản thân Ngày hội 20/10** (4 tuần) | - Bé tự giới thiệu về mình | Tuần 4 | Từ ngày 28/9 đên 02/10/2026 |
| | | - Cơ thể bé và bạn | Tuần 5 | Từ ngày 05/10 đến 09/10/2026 |
| | | - Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh | Tuần 6 | Từ ngày 12/10 đên 16/10/2026 |
| | | - Ngày hội 20/10 | Tuần 7 | Từ ngày 19/10 đên 23/10/2026 |
| 3 | **Gia đình của bé- Ngày hội của cô giáo.** (4 tuần) | - Những người thân yêu trong gia đình | Tuần 8 | Từ ngày 26/10 đên 30/10/2026 |
| | | - Đồ dùng trong gia đình | Tuần 9 | Từ ngày 02/11 đên 06/11/2026 |
| | | - Nhu cầu trong gia đình bé | Tuần 10 | Từ ngày 09/11 đên 13/11/2026 |
| | | - Ngày hội cô giáo 20/11 | Tuần 11 | Từ ngày 16/11 đên 20/11/2026 |
| 4 | **Lớn lên bé thích làm nghề gì?** (5 tuần) | - Nghề sản xuất nông nghiệp | Tuần 12 | Từ ngày 23/11 đên 27/11/2026 |
| | | - Nghề xây dựng | Tuần 13 | Từ ngày 30/11 đên 04/12/2026 |
| | | - Lảm Bác sỹ | Tuần 14 | Từ ngày 07/12 đên 11/12/2026 |
| | | - Nghề dịch vụ | Tuần 15 | Từ ngày 14/12 đên 18/12/2026 |
| | | - Cháu yêu chú Bộ đội | Tuần 16 | Từ ngày 21/12 đên 25/12/2026 |
| | **Những con** | - Động vật nuôi trong gia đình | Tuần 17 | Từ ngày 28/12- |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| **5** | **vật đáng yêu** (4 tuần) | | | 01/01/2027 |
| | | - Động vật sống dưới nước | Tuần 18 | Từ ngày 04/01 đến 08/01/2027 |
| | | - Động vật sống trong rừng | Tuần 19 | Từ ngày 11/01 đến 15/01/2027 |
| | | - Một số loại chim,côn trùng. | Tuần 20 | Từ ngày 18/01 đến 22/01/2027 |
| **6** | **Thế giới thực vật, Tết-mùa xuân, bé vui ngày hội 8/3** (5 tuần) | - Tết và những bông hoa đẹp | Tuần 21 | Từ ngày 25/01 đến 29/01/2027 |
| | | - Nghỉ tết và ôn tập | | Từ ngày 01/02 đến 12/02/2027 |
| | | - Bé yêu cây xanh | Tuần 22 | Từ ngày 15/02 đến 19/02/2027 |
| | | - Một số loại rau, củ | Tuần 23 | Từ ngày 22/02 đến 26/02/2027 |
| | | - Bé vui hội 8/3 | Tuần 24 | Từ ngày 01/03 đến 05/03/2027 |
| | | - Một số loại quả | Tuần 25 | Từ ngày 08/03 đến 12/03/2027 |
| **7** | **Bé tìm hiểu PT và quy định về ATGT.** (4 tuần) | - Một số phương tiện và quy định giao thông đường bộ. đường sắt | Tuần 26 | Từ ngày 15/03 đến 19/03/2027 |
| | | - Một số phương tiện và quy định giao thông đường Thủy. | Tuần 27 | Từ ngày 22/03 đến 26/03/2027 |
| | | - Một số phương tiện và quy định giao thông đường hàng không. | Tuần 28 | Từ ngày 29/03 đến 02/04/2027 |
| | | - Một số Biến báo quen thuộc và thực hành quy định giao thông | Tuần 29 | Từ ngày 05/04 đến 09/04/2027 |
| **8** | **Nước và hiện tượng tự nhiên** (3 tuần) | - Bé biết gì về nước | Tuần 30 | Từ ngày 12/03 đến 16/04/2027 |
| | | - Một số hiện tượng tự nhiên | Tuần 31 | Từ ngày 19/04 đến 23/04/2027 |
| | | - Mùa hè của bé | Tuần 32 | Từ ngày 26/04 đến 30/04/2027 |
| **9** | **Quê hương Đất nước - Bác Hồ- Trường tiểu học** (3 tuần) | - Quê hương - Đất nước | Tuần 33 | Từ ngày 03/05 đến 07/05/2027 |
| | | - Bé lên Trường Tiểu học | Tuần 34 | Từ ngày 10/05 đến 14/05/2027 |
| | | - Bác Hồ kính yêu và mừng SN Bác. | Tuần 35 | Từ ngày 17/05 đến 21/05/2027 |
| **Tổng** | | | **35 tuần** | |

## B. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NUÔI DƯỠNG -CHĂM SÓC SỨC KHỎE
## ĐỘ TUỔI: 5 - 6 TUỔI

*(Kèm theo Kế hoạch số ..../KH-MNDC2 ngày tháng năm 2026 của Trường Mầm non Diễn Châu 2)*

| Nội dung | Phương pháp hình thức thực hiện | Người thực hiện, người phối hợp thực hiên |
|---|---|---|
| **1. Tổ chức bữa ăn** | ***a. Số lượng và chất lượng bữa ăn:***<br>- Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ.<br>- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:<br>- Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal.<br>- Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Tỉ lệ năng lượng khuyến nghị do bữa ăn bán trú cung cấp so với nhu cầu cả ngày là 50-55%. Trong đó:<br>Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.<br>- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:<br>+ Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%- 20% năng lượng khẩu phần.<br>+ Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%-35%năng lượng khẩu phần.<br>+ Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần.<br>- Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng;<br>- Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kĩ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay… nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn<br>- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.Các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 tuần.<br>- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).<br>- Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong | CBQL, Giáo viên, nhân viên nấu ăn, Phụ huynh |

| | | |
|---|---|---|
| | bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống.<br>***b. Chăm sóc bữa ăn***<br>** Trước khi ăn:*<br>- Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...<br>- Cho trẻ tự kê bàn ăn, trải khăn, sắp ghế theo nề nếp.<br>- Tổ chức cho trẻ tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt trước khi ăn.<br>- Cho trẻ đi vệ sinh nếu có nhu cầu.<br>** Trong khi ăn:*<br>- Giáo viên thực hiện nhiệm vụ chia cơm cho trẻ.<br>-Sau khi chia xong, thức ăn chuyển cho trẻ ăn phải có nhiệt độ phù hợp, không được quá nóng sẽ gây bỏng trẻ.Vào mùa đông, cần đảm bảo giữ nhiệt độ thức ăn còn ấm cho đến thời điểm trẻ ăn.<br>- Trẻ xếp hàng nhận cơm, sau đó đi về chỗ ngồi đã được phân công để ăn.<br>- Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy.<br>- Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ.<br>- Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở.<br>- Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kĩ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn.<br>- Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ<br>** Sau khi ăn:*<br>- Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng.<br>- Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký | |

| | | |
|---|---|---|
| | hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung;<br>- Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.<br>-Cho trẻ vận động nhẹ nhàng sau bữa ăn để phòng tránh trào ngược thức ăn. | |
| **2. Tổ chức giấc ngủ** | - Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).<br>**** Trước lúc cho trẻ ngủ:***<br>- Sau khi cô lau xong sàn nhà, cháu có thể tham gia chuẩn bị đồ dùng để ngủ như trải sạp ngủ, đi lấy gối, chăn…<br>- Cô sắp xếp phòng ngủ gọn gàng sạch sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, phòng ngủ được giảm ánh sáng bằng cách đóng bớt 1 số cửa, tắt bớt đèn.<br>- Kiểm tra xem trẻ đã vệ sinh răng miệng, uống nước chưa, có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen đánh răng, uống nước trước khi đi ngủ.<br>- Cho trẻ đi vệ sinh trước khi ngủ giúp trẻ ngủ ngon hơn, không dậy đi vệ sinh giữa chừng ảnh hưởng đến giấc nhủ của trẻ và trẻ bên cạnh.<br>- Cởi bớt quần áo nếu cần (đối với mùa đông).<br>- Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp.<br>- Sau bữa ăn trưa khoảng 30 phút cô có thể cho trẻ lên ngủ.<br>**** Trong khi ngủ***<br>- Trẻ khó ngủ, trẻ yếu cho nằm riêng gần cô<br>- Trẻ béo phì cho nằm cách xa các bạn khác<br>- Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ.<br>- Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác.<br>- Cô giáo nên cho trẻ nghe hát ru hay nhạc nhẹ giúp trẻ dễ ngủ hơn.<br>**** Sau khi thức dậy***<br>- Cho trẻ thức dậy lần lượt. Cho trẻ tập một số động tác nhẹ nhàng sau khi thức giấc. Giúp trẻ lấy lại cân bằng, tỉnh táo hơn. Đặc biệt mùa đông tập nhẹ nhàng sau khi thức dậy giúp cơ thể trẻ ấm hơn sau khi ra khỏi chăn.<br>- Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, | - Giáo viên chủ nhiệm<br>- Nhân viên nấu ăn |

| | | |
|---|---|---|
| | ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngọt làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều.<br>- Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ. | |
| **3. Tổchức vệ sinh** | ***a.Vệ sinh cô:***<br>- Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ<br>- Khám sức khỏe định kỳ hàng năm<br>***b. Vệ sinh cá nhân trẻ***<br>- Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung.<br>- Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, cho trẻ khi sử dụng).<br>- Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh.<br>- Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm nhắc phụ huynh vệ sinh sạch sẽ cho trẻ hàng ngày, đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết.<br>- Trong trường hợp trẻ lỡ bây bẩn giáo viên phải tắm, rửa cho trẻ sạch sẽ. Đặc biệt mùa đông khi tắm, rửa cho trẻ phải sử dụng nước ấm.<br>- Nếu có các dịch bệnh xảy ra phức tạp yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; Cho trẻ rửa tay sát khuẩn; Cho trẻ đánh răng; Giáo viên có thể pha nước muối thoảng để tại lớp cho trẻ súc miệng.<br>- Tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa, đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng.<br>***c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp***<br>** Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:*<br>- Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng | Giáo viên và bảo vệ |

| | | |
|---|---|---|
| | tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng.<br>- Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy;<br>- Khăn mặt của trẻ hằng ngày giặt bằng xà phòng diệt khuẩn, hấp/sấy bằng tủ chuyên dụng hoặc phơi khô. Với các cơ sở giáo dục mầm non không có tủ hấp/sấy chuyên dụng, mỗi tuần giặt khăn bằng nước nóng ít nhất 2 lần.Thời điểm có nguy cơ dịch bệnh, mỗi ngày đều phải giặt khăn bằng nước nóng.<br>- Đối với bàn, ghế, sạp ngủ hằng ngày lau bằng khăn ẩm, cuối tuần vệ sinh bằng xà phòng, phơi nắng tùy theo điều kiện thực tiễn. Rửa ngay khi dính phân, nước tiểu của trẻ;<br>- Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh.<br>- Nhà vệ sinh của trẻ:Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này.<br>- Bệt vệ sinh của trẻdùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước.<br>+ Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo.<br>+ Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn.<br>+ Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân.<br>+ Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ.<br>+ Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt.<br>+ Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng.<br>+ Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kĩ năng vệ sinh<br>+ Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). | |

| | | |
|---|---|---|
| | ** Xử lý rác và nước thải trong nhà trường*<br>- Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày.<br>- Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng.<br>- Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ố màu phải kiểm tra và xử lý ngồn nước sinh hoạt. | |
| **4.Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn** | ***a. Chăm sóc sức khỏe***<br>** Khám sức khỏe*<br>- Trong năm học, nhà trườngphối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp.<br>- Nhà trưởng tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần;<br>Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe<br>** Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.*<br>- Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao<br>- Theo dõi cân nặng 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12 và tháng 3/2025); theo dõi chiều cao 6 tháng/lần (vào tháng 9/2024 và tháng 3/2025)<br>- Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ.<br>- Trẻ từ 61 đến 78 tháng tuổi theo dõi 3 loại biểu đồ: Ngoài việc theo dõi biểu đồ đánh giá về cân nặng, chiều cao thì có biểu đồ BMI*(Lưu ý trẻ đủ 61 tháng tuổi trở lên mới theo dõi chỉ số BMI năm 2 lần vào tháng 12/2024 và tháng 3/2025)*. Đây là nội dung quan trọng ảnh hưởng đến phát triển thể chất sau này nên cần phải thực hiện chính xác trong thực hiện cân, đo cho trẻ<br>***b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:***<br>- Phối hợp với trung tâm y tế tuyền truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. | - CBQL<br>- Giáo viên chủ nhiệm<br>- Nhân viên y tế,<br>- Trạm y tế xã,<br>- Phụ huynh |

| | | |
|---|---|---|
| | - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xẩy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi tại trường nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sở, thủy đậu…) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường.<br>***c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm***<br>- Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viên đường hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy.<br>- Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau:<br>+ Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%).<br>+ Thuốc hạ sốt.<br>+ OERSOL.<br>+ Thuốc nhỏ mắt trẻ em<br>+ Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương.<br>+ Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao.<br>Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc.<br>Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế.<br>Nếu trẻ bị mệt phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên.<br>***d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp***<br>- Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống các bệnh dịch...<br>- Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. | |

| | | |
|---|---|---|
| **Chăm sóc trẻ khuyết tật** | - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.<br>- Hồ sơ đã được chứng nhận<br>- KH chăm sóc nuôi dưỡng – phối hợp nhóm lớp – phụ huynh.<br>- Xây dựng kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạthiệu quả đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền phối hợp với gia đình, phụ huynh, các ban ngành đoàn thể, cán bộ y tế, chính quyền địa phương đểthực hiện có hiệu quả công tác chăm sóc GD trẻ hòa nhập.<br>- Trẻ được quan tâm hơn về nhiều mặt, được chăm sóc riêng khi ăn, ngủ và các hoạt động<br>- Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sức khỏe và sự tiến bộ của trẻ<br>- Dành thời gian ngoài giờ để tập luyện thêm cho trẻ còn bị ở các thể như các HĐ thể thao, vận động…<br>- Để đảm bảo quyền lợi và chế độ chính sách cho trẻ thì nhà trường phải tuyên truyền hướng dẫn cho gia đình làm HS cho trẻ để trẻ được quan tâm, chăm sóc để phát triển những khiếm khuyết của cơ thểtrẻ.<br>- Đối với những nhóm lớp có trẻ khuyết tật, giáo viên phải nắm rõ mức độ khuyết tật của trẻ; tìm hiểu nhu cầu và khả năng của trẻ<br>+ Sự phát triển về thể chất<br>+ Khả năng ngôn ngữ và giao tiếp<br>+ Khả năng nhận thức<br>+ Quan hệ xã hội<br>+ Môi trường phát triển của trẻ | - Cơ quan cấp –công nhận.<br>- Phụ huynh.<br>- Giáo viên.<br>- Nhà trường.<br><br>CBQL,giáo viên,phụ huynh, các ban |

## C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤCĐỘ TUỔI 5-6 TUỔI

| Mục tiêu | Nội dung |
|---|---|
| ***1/ Phát triển thể chất*** | |
| **** Dinh dưỡng và sức khỏe****(Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khoẻ)* | |
| **MT1**. Trẻ khỏe mạnh, cơ thể phát triển cân đối. Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A.<br>- Trẻ trai:<br>+ Cân nặng:15,9- 27,1kg<br>+ Chiều cao: 106,1- 125,8cm<br>- Trẻ gái:<br>+ Cân nặng:15,3- 27,8 kg<br>+ Chiều cao: 104,9-125,4cân | - Trẻ khỏe mạnh phát triển cân đối theo độ tuổi<br>- Trẻ cân đo vào tháng 09, tháng 12, tháng 3 trên biểu đồ tăng trưởng.<br>- Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ<br>- Trẻ được khám sức khỏe theo định kỳ ít nhất 1 năm/lần.<br>- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng<br>- Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ |
| **MT2**.Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. Nói được tên món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; (CS11) | - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá...<br>- Thực phẩm giàu vitamin<br>như rau có thể luộc, nấu canh. Thịt cá có thể rán, kho..<br>- Kể đúng tên một số thực phẩm, món ăn quen thuộc: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...<br>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.<br>– Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đối với sk.<br>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng,không uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe<br>- Kể những ích lợi của các món ăn và ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.<br>*GDKNS: Chế biến rau, củ; Tập làm salad rau củ; Làm sinh tố; Nước giải khát* |
| **MT3**. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng | - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe |

| | |
|---|---|
| bệnh.<br>Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.<br>+ Đi vệ sinh đúng nơi quy định.<br>+ Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.<br>+ Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.<br>+ Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....<br>+ Che miệng khi ho, hắt hơi. | - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể (mặc ấm về mùa đông, mát về mùa hè và phù hợp với thời tiết…)<br>Vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người (Bỏ rác đúng nơi quy định, không khạc nhổ bừa bãi…)<br>- Vệ sinh răng miệng: Đánh răng, hoặc súc nước muối sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.<br>- Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.<br>- Đeo khẩu trang khi đi ra ngoài và những nơi công cộng đúng cách.<br>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....<br>- Che miệng khi ho, hắt hơi.<br>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.<br>- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.<br>KNS:<br>- Dạy trẻ một số kỹ năng nhặt và phân loại rác.<br>- Dạy trẻ kỹ năng đeo khẩu trang đúng cách. |
| **MT4**. Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. | - Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn<br>- Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần.<br>*- Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích*<br>*+ Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm*<br>*- Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh đuối nước.*<br>- GDKNS: Các vật dụng không an toàn; những nơi nguy hiểm...<br>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...<br>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn:<br>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.<br>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không |

| | |
|---|---|
| | được phép của người lớn, cô giáo.<br>- *Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh và ứng phó khi bị bắt cóc*<br>- Làm gì khi bị lạc, Không nhận quà và đi theo người lạ.....<br>- KNS: Kỹ năng thoát hiểm khi có cháy |
| **MT 5**. Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh. | - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....<br>- Biết không tự ý uống thuốc.<br>- Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ.<br>- *Dạy trẻ kỷ năng trong ăn uốnglành mạnh có văn hóa.* |
| **MT6**. Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn | Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi; Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy; Không leo trèo cây, ban công, tường rào... |
| **** Phát triển vận động*** | |
| **MT7**. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp<br>Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. | - Tập các bài tập thể dục thường xuyên<br>- Tay:<br>+ Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).<br>+ Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.<br>- Lưng, bụng, lườn:<br>+ Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.<br>+ Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.<br>+ Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.<br>- Chân:<br>+ Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía |

| | |
|---|---|
| | sau.<br>+ Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. |
| **MT8**. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động : Đi, chạy | *** Đi và chạy :**<br>- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuỵu gối<br>- Đi nối bàn chân tiến, lùi<br>- Đi trên dây (dây đặt trên sàn)<br>- Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m<br>- Đi trên ván kê dốc ( dài 2m, rộng 0,03m) một đầu kê cao 0,03m.<br>- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát<br>- Chạy chậm khoảng 100-120m<br>- Chạy nhấc cao đùi 4 - 4,5m<br>- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian<br>- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh.<br>- Chạy 18 m trong khoảng 10 giây |
| **MT9**. Trẻ kiểm soát được vận động: bò, trườn, trèo, bật, nhảy | **** Bò, trườn, trèo:***<br>+ Bò dích dắc qua 7 điểm<br>+ Bò dích dắc bằng bàn tay, bàn chân qua 5 hộp cách nhau 60cm<br>+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.<br>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m- 5m<br>+ Trườn kết hợp trèo qua ghế dài1,5m x 30cm.<br>+ Trèo lên xuống 7 gióng thang<br>**** Bật - nhảy:***<br>- Bật xa 40 - 50 cm.<br>- Bật liên tục vào vòng.<br>+ Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.<br>+ Bật qua vật cản cao 15-20 cm<br>+ Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm).<br>+ Nhảy lò cò 5m |
| **MT10**. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp | - Bật xa, chạy 18 m trong khoảng 10 giây<br>- Bật vòng qua 5-6 điểm dích dắc( cách nhau 1,5m), Tung và bắt bóng.<br>- Ném đích đứng- Chạy chậm khoảng 100-120m<br>+ Bật xa - Ném xa bằng 1 tay<br>+ Đi zic zắc- Bật qua vật cản<br>+ Đi trên ghế thể dục – chuyền bóng qua đầu, qua |

| | |
|---|---|
| | chân<br>+ Bật xa- Đi zic zắc- Ném trúng đích nằm ngang.<br>+ Bật sâu- Bò bằng bàn tay, cẳng chân- Ném trúng đích nằm ngang bằng 2 tay. |
| **MT11**. Trẻ thực hiện được các vận động; Phối hợp được cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt trong một số hoạt động. | - Thực hiện các việc tự phục vụ không cần sự giúp đỡ.<br>- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.<br>- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.<br>- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.<br>- Cắt được theo đường viền của hình vẽ.<br>- Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu.<br>- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.<br>- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phéc mơ tuya)<br>- Kỹ năng đan, nong, tết, thắt nơ<br>- Montessori:<br>+ Bé thực hành buộc dây giày<br>+ Bé thực hành cài và mở khuy áo<br>+ Bé thực hành kéo khóa<br>+ Bé thực hành gấp quần áo<br>+ Bé thực hành gắp vật bằng kẹp |
| **MT12.** Tham gia học tập, hoạt động thể chất liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút .Tập trung chú ý thực hiện nhiệm vụ hoạt động. (CS65). | - Tham gia hoạt động tích cực.<br>- Không có biểu hiện mệt mỏi, ngáp, ngủ gật...<br>- Giữ tư thế ngay ngắn, cơ thể linh hoạt, khuôn mặt vui vẻ, tham gia nhiệt tình.<br>- Điều chỉnh nhịp thở khi vận động.<br>- Chú ý và lắng nghe cô hướng dẫn, nhìn vào cô, vào đồ vật và hoạt động đang làm, hoàn thành nhiệm vụ được giao. |
| **2/ Phát triển nhận thức** | |
| **** Khám phá khoa học.*** | |
| **MT13**.Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng<br>Nhận biết một số đặc điểm nổi bật và sự thay đổi của môi trường tự nhiên (CS50) | Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.<br>Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.Tại sao có mưa?...<br>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. |

| | |
|---|---|
| **MT14**. Biết Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem và thảo luận về đặc điểm của đối tượng và các phương tiện giao thông. Trẻ biết giải quyết các vấn đề bằng các cách khác nhau, theo các bước đơn giản khi tiếp nhận công nghệ số (CS54) | - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.<br>+ Các giác quan<br>+ Cơ thể bé và bạn<br>+ Đôi tay kỳ diệu.....<br>- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.<br>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.<br>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.<br>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa vật nuôi, cây, hoa quả với môi trường sống.<br>- Đặc điểm, ích lợi, tác hại, cách chăm sóc các con vật, cây, hoa quả<br>- Quá trình phát triển của các con vật, cây, hoa quả. Điều kiện sống của một số loại động vật, cây, hoa quả...<br>- Cây xanh và môi trường sống<br>- Quá trình phát triển của cây từ hạt<br>- Một số loài hoa.<br>- Một số loại quả.<br>-Một số loại rau, củ.<br>- Một số phương tiện và QĐGT đường bộ.<br>- Một số phương tiện và QĐGT đường thủy.<br>- Một số quy định và biển báo giao thông đơn giản<br>- *GDKNS: Bé làm gì khi ngồi trên các phương tiện giaothông; Bé đội mũ bảo hiểm; Bé mặc áo phao; Thực hành bé tham gia giao thông..*<br>+ KNS: Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh khi gặp sấm,sét.<br>+ Steam: Tín hiệu đèn; Cuộc đua kỳ thú |
| **MT15**. Trẻ có thể dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. | - Các nguồn nước trong môi trường sống.<br>- Một số đặc điểm, tính chất của nước.<br>- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.<br>- Sự kỳ diệu của gió |

| | |
|---|---|
| | - Quan sát các hiện tượng hàng ngày<br>- Quan sát thời tiết<br>- Dự đoán thời tiết<br>- Chuẩn bị trang phục phù hợp thời tiết<br>Bé trải nghiệm với cát, đất… |
| **MT16**. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. | - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu<br>+ Đồ chơi trong lớp<br>+ Đồ chơi ngoài trời<br>+ Bé thích đồ chơi gì<br>+ Đồ dùng của bé<br>+ Đồ dùng bé trai, bé gái<br>+ Đồ dùng gia đình…<br>*+ GDKNS: Bé cùng cô làm đồ chơi…*<br>- Phân loại một số loại rau, hoa, loại quả theo 2 - 3 dấu hiệu.<br>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống<br>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây<br>+ Bé yêu cây xanh<br>- Steam<br>+ Quá trình phát triển của cây từ hạt<br>+ Quá trình phát triển của cây lúa<br>+Ghép hình cây và sự phát triển của cây<br>+ Cây cần gì để lớn<br>+ Cây xanh và môi trường sống<br>+ Một số loại rau ăn lá<br>+ Một số loại rau ăn củ<br>+ Một số loại rau ăn quả<br>- Phân loại động vật sống trong rừng, gia đình, dưới nước...<br>+ Một số con vật sống trong gia đình<br>+ Một số con vật sống trong rừng<br>+ Một số con vật sống dưới nước<br>+ Một số côn trùng<br>+ Một số loài chim<br>+ Trứng và gà con<br>+ Vòng đời của bướm<br>+ Đàn kiến<br>- Phân loại phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu.<br>+ Trứng và gà con<br>+ Vòng đời của bướm<br>+ Đàn kiến |

| | |
|---|---|
| | + Từ hoa thành quả…<br>+ Steam: Quy trình pha nước chanh, nước cam; Khám phá khoa học về côn trùng; Làm hoa qủa dầm;<br>Lắp ghép các bộ phận của con vật; Lắp ghép cây cối; Sắp xếp vòng đời của côn trùng...<br>+ GDKNS: Tập làm vườn; sơ chế rau, củ; trang trí đĩa quả; tập cắm hoa; tập làm bánh... |
| **MT17**. Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.<br>Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn (CS53) | - Thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản, một số thiết bị công nghệ số như máy tính, qua các HĐ trải nghiệm:<br>- Gieo hạt, quan sát sự nảy mầm<br>- Theo dõi, so sánh sự phát triển của cây<br>- Trồng cây, chăm sóc cây<br>- Thử nghiệm cây được tưới nước và cây không được tưới nước<br>- Sữa ma thuật<br>- Bóng bay vui nhộn<br>- Ống hút đứng trong nước<br>- Nước cầu vồng<br>- Chọc que vào quả bóng bay<br>- Nhốt không khí.<br>- Nam châm hút gì?<br>- Vật chìm vật nổi<br>- Trứng chìm trứng nổi<br>- Chất tan và chất không tan<br>- Sự kỳ diệu của nam châm<br>- Cầu vồng trong chai<br>- Sự đổi màu của nước<br>- Sự thay đổi màu của nước<br>- Lốc xoáy mini<br>- Khám phá về giấy<br>- Các nguồn nước trong môi trường sống<br>- Bé biết gì về nước?<br>+ Bé trải nghiệm với cát, đất…<br>+ Steam: Thí nghiệm hạt gạo nhảy múa; Khám phá sắc màu; Làm kem siêu tốc...<br>- Montessori:<br>+ Hoạt động gọt, cắt táo<br>+ Hoạt động đánh trứng, tráng trứng |

| | |
|---|---|
| | + Hoạt động tắm cho búp bê<br>+ Hoạt động làm phở cuốn<br>+ Hoạt động làm bánh rán chuối<br>+ Hoạt động cọ bàn<br>+ Hoạt động rửa cốc<br>+ Hoạt động phơi khăn<br>+ Hoạt động cắt, vắt cam<br>+ Hoạt động pha nước chanh<br>+ Hoạt động nạo dưa chuột, cà rốt<br>+ Hoạt động bóc trứng<br>+ Hoạt động làm kẹo cà, làm bánh chưng.. |
| **MT18.** Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau. Trẻ nói được mối liên hệ đơn giản của một số sự vật, hiện tượng. | - Nêu được thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận |
| *** Khám phá xã hội:** | |
| **MT19**.Trẻ tự tin giới thiệu đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | - Tôi là ai?<br>- Tôi và các bạn<br>- Cơ thể tôi<br>- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh<br>KNS: Dạy trẻ kĩ năng tự bảo vệ bản thân phòng chống xâm hại<br>- Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis |
| **MT20**.Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình; Nói được địa chỉ gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis<br>- Mời bạn đến thăm gia đình tôi<br>- Những ngày kỷ niệm đáng nhớ<br>- Ngôi nhà thân yêu của bé<br>- Các thành viên trong gia đình.<br>- Nghề nghiệp của bố mẹ<br>- Sở thích của các thành viên trong gia đình;<br>- Quy mô gia đình( gia đình nhỏ, gia đình lớn).<br>- Nhu cầu gia đình.<br>- Địa chỉ gia đình( xóm, xã, huyện, tỉnh..); số điện thoại của bố mẹ...<br>- Nhà bé ở đâu? |
| **MT21**. Trẻ nói tên, địa chỉ, mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp; Nói tên, công việc của cô giáo, các bác công nhân, và họ tên | - Trường mầm non thân yêu<br>- Lớp mẫu giáo của bé<br>- Bé và các hoạt động trong trường mầm non<br>- Các hoạt động , công việc của các cô bác trong |

| | |
|---|---|
| các bạn trong lớp trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | trường.<br>Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis |
| **MT22**.Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề phổ biến trong xã hội . | - Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis<br>+ Tên gọi các nghề phổ biến, nghề truyền thống địa phương:<br>- Một số nghề truyền thống ở địa phương: làm nước mắm, nghề đánh bắt thủy sản ...<br>- Bé yêu bác nông dân<br>+ Một số nghề phổ biến quen thuộc:<br>- Cô bán hàng<br>- Nghề dịch vụ<br>- Nghề giúp đỡ cộng đồng<br>- Bé thích làm bác sỹ<br>- Công an<br>- Cháu yêu cô, chú công nhân<br>-Cháu yêu cô, chú bộ đội…<br>- Các hoạt động trải nghiệm: Tập làm vườn,thăm quan cánh đồng lúa |
| **MT23**. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: "Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên…". | - Ngày khai giảng năm học mới<br>- Bé vui đón tết trung thu.<br>- Ngày hội của bà, của mẹ...(Ngày 20/10)<br>- Ngày hội của cô giáo (Ngày 20/11)<br>- Cháu yêu cô, chú bộ đội (Ngày 22/12)<br>- Bé vui đón tết nguyên đán<br>- Ngày vui của bà, của mẹ...(Ngày 08/03)<br>- Biết thêm về lễ hội: Ngày hội bé đến trường, Lễ hội mừng xuân, tết thiếu nhi 1/6<br>- Steam:<br>+ Làm các loại bánh<br>+ Làm quà tặng mẹ<br>+ Sáng tạo bông hoa mùa xuân<br>+ Làm phở cuốn<br>+ Làm chả nem<br>+ Khám phá quy trình gói bánh chưng và thực hành gói bánh chưng<br>+ Làm lồng đèn Trung thu...<br>- Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis |
| **MT24.** Kể tên một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. | - Kể, trả lời được câu hỏi của người lớn về những địa điểm vui chơi công cộng, trường học, nơi mua sắm, khám bệnh ở nới trẻ sống hoặc đã được đến. |

| | |
|---|---|
| **MT25**. Trẻ nhận biết một số danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước | - Tìm hiểu một số danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa của quê hương, đất nước, Bác Hồ như: Trung tâm thương mại Diễn Châu, Đài tưởng niệm liệt sỹ, Biển Diễn Thành, Đền Cuông, lèn hai vai, Quê Bác, Tượng đài Hồ Chí Minh, Lăng Bác…<br>- Giới thiệu về thủ đô Hà Nội<br>- Bác Hồ với các cháu thiếu nhi.<br>- Trò chuyện sáng theo phương pháp Unis |
| **MT26.** Trẻ biết tên Trường tiểu học, biết một số đồ dùng và hoạt động của học sinh lớp 1. | - Giai đoạn chuyển tiếp giữa Trường mầm non lên Trường tiểu học<br>- Trường tiểu học và đồ dùng học sinh lớp 1.<br>- Trải nghiệm: Tham quan Trường tiểu học<br>- Trò chuyện sáng: Bé biết gì về Trường tiểu học |
| ***Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán*** | |
| **MT27**. Trẻ biết quan tâm đến con số, biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. | Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng<br>+ Ôn số lượng trong phạm vi 5<br>+ Đếm đến 6, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 6, Nhận biết số 6<br>+ Đếm đến 7, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 7, Nhận biết số 7<br>+ Đếm đến 8, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 8, Nhận biết số 8<br>+ Đếm đến 9, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 9, Nhận biết số 9<br>+ Đếm đến 10, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 10, Nhận biết số 10<br>Phương Pháp Steam: Toán tư duy |
| **MT28**. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.<br>- So sánh, thêm, bớt số lượng trong phạm vi 10; (Chỉ số 43) | - So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất<br>- So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 **(Số 6 tiết 2)**<br>- So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 7 **(Số 7 tiết 2)**<br>- So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 8 **(Số 8 tiết 2)**<br>- So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 9 **(Số 9 tiết 2)**<br>- So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 **(Số 10 tiết 2)** |

| | |
|---|---|
| | Phương pháp Steam: LQ với toán |
| **MT29**. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.<br>-Tách, gộp số lượng trong phạm vi 10; (Chỉ số 42) | Tách/ Gộp các nhóm đối tượng tượng bằng các cách khác nhau trong phạm vi 10<br>- Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 6 ***(Số 6 tiết 3***)<br>- Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 7 ***(Số 7 tiết 3)***<br>- Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 8.(***Số 8 tiết 3***)<br>-Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 9.(***Số 9 tiết 3)***<br>-Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi10.(***Số 10 tiết 3)***<br>Phương pháp Steam: LQ với toán |
| **MT30**. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | - Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.<br>- Nhận biết ý nghĩa các con số<br>- Các chữ số, số lượng và các số thứ tự trong phạm vi 10<br>- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe, , số phòng cháy chữa cháy (cứu hỏa 114), số công an cơ động (113), cấp cứu 115…) |
| **MT31**. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp | - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.<br>- Tạo ra qui tắc sắp xếp.<br>- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp<br>- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.<br>- Sáng tạo ra các mẫu sắp xếp.<br>Montessori: Xâu hạt theo quy luật màu sắc |
| **MT32**. Sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả. | - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau<br>- Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.<br>- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.<br>Phương pháp Steam: LQ với toán |
| **MT33**. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối | - Nhận biết, phân biệt khối cầu, khối trụ khối vuông, khối chữ nhật. |

| | |
|---|---|
| cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. | - Nhận dạng các khối cầu, khối trụ , khối vuông, khối chữ nhật trong thực tế.<br>- Chắp ghép các hình hình học<br>Phương pháp Steam: LQ với toán |
| **MT34**. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn | - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. |
| **MT35**. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. | - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.<br>- Gọi tên các thứ trong tuần.<br>- Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy.<br>Các mùa trong năm Mùa xuân- Hạ Thu- Đông<br>- Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn, mẹ dặn ngày mai làm việc gì?<br>KNS: Trẻ biết ngày hôm nay, hôm qua , nhày mai khi người khác hỏi. |
| **MT36**. Xác định giờ đúng trên đồng hồ (CS 49) | - Biết xác định giờ đúng trên đồng hồ.<br>- Nói được ngày trên lốc lịch và giờ chẵn trên đồng hồ.<br>- Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ để làm gì |
| **3/Phát triển ngôn ngữ** | |
| **** Nghe và hiểu lời nói*** | |
| **MT37**. Trẻ biết thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể<br>- Nghe và nhận ra từng tiếng trong câu nói; ( CS 30) | Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp<br>+Chơi theo nhóm<br>+Thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu<br>+Trò chơi: khiêu vũ tập thể, nhảy sạp…<br>- Trẻ nghe rõ câu nói của cô hoặc bạn.<br>*- Trẻ tách được câu nói thành từng tiếng (từng từ đơn giản).*<br>ví dụ đơn giản:<br>Cô nói: **"**Con mèo kêu meo**"**<br>Cô Hỏi trẻ: "Trong câu này có mấy tiếng nhỉ?"<br>- Trẻ sẽ nghe và đếm: Con / mèo / kêu / meo → có 4 tiếng. |
| **MT38**. Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát.. | - Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...<br>+ Những con vật đáng yêu |

| | |
|---|---|
| | + Cây xanh, một số loại hoa, quả<br>+ Phương tiện giao thông( đường bộ, đường sát, hàng không) |
| **MT39**. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động. Nghe và phản hồi thông tin đơn giản. Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. (CS31, CS33) | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.<br>- Nghe, hiểu lời nói yêu cầu của ngừ khác và phản hồi lại bằng những hành động, lời nói phù hợp trong hoạt động tập thể. |
| **MT40**. Biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. Nghe và nhân ra từng tiếng trong câu nói. Nói cho người khác hiểu.(CS30, CS32) | - Trong giao tiếp hàng ngày, trong khi tham gia các hoạt động trẻ lắng nghe và biết đặt các câu hỏi hoặc biểu hiện khi không hiểu ý người khác.<br>- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?<br>- Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.<br>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |
| **MT41**. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.<br>- Nghe hiểu được nội dung truyện tranh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi và trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản của truyện. | - **Chủ đề trường mầm non thân yêu**- Truyện: Mèo con và quyển sách (Trần Thị Thu), Món quà của cô giáo Truyện "Mèo con và quyển sách"; "Sự tích chú cuội cung trăng" Bài học đầu năm; Thỏ trắng biết lỗi;<br>Cháu rất nhớ bạn ấy, Gà tơ đi học, Sẻ con tìm bạn (Phạm Hổ)<br>Sự tích chú cuội cung trăng(truyền thuyết dân gian)<br>Sự tích đèn ông sao (Truyện cổ dân gian).<br><br>- **Chủ đề bản thân- Ngày hội của bà, cuả mẹ...**<br>Truyện: Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu); Câu chuyện của tay trái và tay phải (Lý Thị Minh Hà); Đôi tai xấu xí (Theo báo họa My); Giấc mơ kỳ lạ (Nguyễn Ngọc Bích. Chuyện của dê con; Mỗi người một việc, Gấu con bị đau răng, Mời bạn đến chơi nhà, cái mồm(Phùng Thành Chung,<br>- **Chủ đề gia đình-Ngày hội cuả cô giáo**- Truyện: Ba cô gái (Truyện cổ tích); Ai đáng khen nhiều hơn (Phong Thu); Cây khế (Truyện cổ tích), Tấm cám |

| | |
|---|---|
| | (Truyện cổ tích.<br>+ Truyện , "Bông hoa cúc trắng"ông cháu; hai anh em gà con; Ba cô gái, Ai đáng khen nhiều hơn<br>- **Chủ đề nghề nghiệp**- Truyện: Sự tích quả dưa hấu (Truyện cổ Việt Nam);Thần sắt (Truyện cổ dân tộc Thái); Hai anh em (Truyện cổ tích Việt Nam)."Cô bác sĩ tí hon"; Chiếc áo đẹp; Sự tích cây khoai lang; Qủa dưa hấu, cây rau của thỏ út,ba chú lợn.<br>- **Chủ đề thế giới động vật:** Truyện: Hươu con biết nhận lỗi ( Trần Thị Ngọc Trâm); Chú dê đen (Truyện cổ tích); Cá chép con ( Cẩm bích); Cuộc thi bơi của tôm cau cá; Gà trống kiêu căng (Trần Thị Ngọc Trâm). Truyện: "Cá diếc con",Cáo thỏ và trống, ba chú lợn con. Cáo Thỏ và Gà Trống, Chú dê đen ( Nhà xuất bản giáo dục), Truyện của dê con, Dê con nhanh trí ; Quả trứng của ai; Cuộc thi bơi của tôm cua cá; Chú dê đen ( Nhà xuất bản giáo dục), Truyện của dê con, Dê con nhanh trí; Quả trứng của ai; Cuộc thi bơi của tôm cua cá;<br>- **Chủ đề thế giới thực vật- Tết và mùa xuân, ngày vui 8/3-** Truyện: Cây tre trăm đốt (Truyện cổ tích); Quả bầu tiên (Truyện cổ tích); Sự tích hoa hồng (Báo hoạ mi); Sự tích cây khoai lang(Báo hoạ mi); Cây khế (Truyện cổ tích); Bánh chưng, bánh giày (Truyện cổ tích). Truyện: "Cây tre trăm đốt", "Sự tích quả dưa hấu", "Cây rau của thỏ út"" Nàng tiên của mùa xuân", " Quả bầu tiên", Chuyện của hoa Phù Dung", " Tiếng kêu cứu của rừng xanh", " Sự tích bánh chưng bánh dày"; Qủa bầu tiên ( Kim Tuyến); Cây rau của thỏ út; Sự tích mùa xuân(Truyện cổ tích dân gian), Hoa mào gà(Truyện cổ tích dân gian)<br>**- Chủ đề phương tiện giao thông**- Truyện: Thỏ con đi học (Đỗ Thị Ngọc Anh); Vì sao thỏ cụt đuôi (Phạm Hoàng Yến); Qua đường (Thu Hằng)" Một phen sợ hãi" , " Vì sao thỏ cụt đuôi", " Qua đường", " Ô tô con học bài" Kiến con đi ô tô. Câu chuyện về chú xe ủi ( Sưu tâm)<br>- **Chủ đề nước và một số hiện tượng tự nhiên**- Truyện: Giọt nước tí xíu (Nguyễn Linh); Sơn |

| | |
|---|---|
| | Tinh, Thuỷ Tinh (Thần thoại);Nàng tiên bóng đêm (Vi Tiểu Thanh. Giọt nước tý xíu", " Sơn Tinh, Thủy Tinh", " Sự tích ngày và đêm".Con vật rơi xuống hồ nước; Hồ nước và mây( Nguyễn Đình Ân)<br>**- Chủ đề quê hương, đất nước, Bác Hồ, trường Tiểu học**- Truyện: Sự tích Hồ Gươm (Truyền Thuyết); Chuyện ông Gióng (Truyện cổ Việt Nam); Niềm vui bất ngờ (Nhà xuất bản Kim Đồng" Câu chuyện của giấy kẻ". Niềm vui bất ngờ", " Sự tích hồ gươm", " Thánh Gióng", " Quả táo", " Ai ngoan sẽ được thưởng", " Thỏ con đi học", " Câu chuyện của giấy kẻ". |
| **** Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày*** | |
| **MT42**. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được..<br>- Diễn tả hiểu biết của bản thân bằng những cách khác nhau. (CS34)<br>- Trẻ thích nghe và xem một số phim hoạt hình thiếu nhi bằng tiếng Anh | - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.<br>- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.<br>- Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.<br>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.<br>- Tham khảo đưa vào phim chuyện hoạt hình tiếng anh |
| **MT43**.Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày. Sử dụng các từ chỉ sự vật,hoạt động, đặc điểm,phù hợp với ngữ cảnh. | - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.<br>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. |
| **MT44**.Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,.. | - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.<br>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. |

| | |
|---|---|
| **MT45**. Trẻ nói rõ ràng. Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. | - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.<br>- Bày tỏ mong muốn, cảm xúc qua các câu nói. |
| **MT46**.Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. | - Phân công công việc cho bạn bè trong nhóm.<br>- Cùng thảo luận với bạn qua các hoạt động hàng ngày. |
| **MT47**.Mạnh dạn, tự tin, chủ động trong giao tiếp. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện | - Tích cực tham gia các hoạt động và dùng lời nói để lôi kéo sự tham gia của các bạn.<br>- Chủ động trò chuyện với bạn bè trong các hoạt động và mọi lúc mọi nơi. |
| **MT48**. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.Kể lại câu chuyện qua các cách khác nhau. | - Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.<br>Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.<br>Kể chuyện sáng tạo, nội dung, kể sự hiểu biết của trẻ |
| **MT49**. Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, ca dao, đồng dao. | **+ Thơ;**<br>- **Chủ đề trường mầm non thân yêu**- Thơ: Trăng ơi từ đâu đến(Trần Đăng Khoa), Tình bạn (Trần Thị Hương); Gà học chữ (Phan Trung Hiếu); Bập bênh(GV CĐSP- Quảng Ninh); Bé học toán (Phan Thị Thu Huyền); Giúp bạn (Diễm Trang) Tình bạn", "Gà học chữ**;** Mèo con đi học; làm quen chữ số; Nghe lời cô giáo (Nguyễn Văn Chương)<br>- **Chủ đề bản thân- ngày hội của bè, cuả mẹ..-** Thơ: Tay ngoan (Võ Thị Như Chơn); Đôi mắt của em (Lê Thị Phương Mỹ); Phải là hai tay (Phạm cúc) Chiếc bóng", "Tay ngoan,Bé chẳng sự tiêm, người tôi yêu tôi thương; Thỏ bông bị ốm; tay ngoan ( Võ Thị Như chơn),<br>- **Chủ đề gia đình- Ngày hội của cô giáo-** Thơ: Chia bánh (Trương Hữu Lợi), Làm anh (Phan Thị Thanh Nhàn); Giữa vòng gió thơm (Quang Huy). em yêu nhà em,ông cháu " Em yêu nhà em", " Mẹ của em", " Bà ơi", "Làm anh", Cháu dắt tay ông " Quạt cho bà ngủ".<br>- **Chủ đề nghề nghiệp**- Thơ: Chiếc cầu mới (Thái Hoàng Linh); Cái bát xinh xinh (Thanh Hoà) Hạt |

| | |
|---|---|
| | gạo làng ta (Trần Đăng Khoa); Chú bộ đội hành quân trong mưa (Vũ Thuỳ Hương); Chú cảnh sát giao thông (Phạm Hổ); Bé làm bao nhiêu nghề. (Yên Thao). Chiếc cầu mới", "Làm bác sỹ", "Chú gải phóng quân" Hạt gạo làng ta", " Chú bộ đội hành quân trong mưa", " Làm bác sỹ", " Chiếc cầu mới", " Ước mơ của Tý". Ước mơ của tý, Chú bộ đội hàng quân trong mưa, bé làm bao nhiêu nghề, Bát cơm ngày mùa...Họa sỹ voi, Ước mơ của bé, cái bát xinh xinh (Thanh Hòa).<br>- **Chủ đề thế giới động vật**- Thơ: Mèo đi câu cá (Thái Hòang Linh); Nàng tiên ốc (Phan Thị Thanh Nhàn), Gà mẹ đếm con (Nguyễn Duy Chế); Đồng dao: Vè loài vật (Đinh Ngọc Nhương). Con cua mà có 2 càng. Mèo đi câu cá,ong và bướm,""" Mèo đi câu cá", " Nàng tiên ốc", " Kiến tha mồi", " Chim Chích bông", " Chú bò tìm bạn" gà nở; Chú heo con. Dế và đom đóm. Đàn dê qua cầu.<br>- **Chủ đề thế giới thực vật**- Tết **và mùa xuân, ngày vui 8/3**- Thơ: Hoa kết trái (Thu Hà), Rau ngót, rau đay (Hồng Thu ST), Hoa cúc vàng (Nguyễn Văn Chương); Tết đang vào nhà; Cây đào (Hồng Thu ST).Ăn Quả (Hồng Thu ST); Bác bầu, bác bí(Trường mầm non ngọc Lan II) tạp chí giáo dục số 23, hoa kết trái, " Tết đang vào nhà", " Hoa cúc vàng", " Rau ngót rau đay", " Mùa xuân"; Vè các loại rau...<br>- **Chủ đề phương tiện và quy định giao thông**- Thơ: Chú cảnh sát giao thông; Cô dạy con (Bùi Thị tình); Tiếng còi tàu (Hồng Vy), Đàn kiến nó đị. (Hoàng Mai); Giúp bà (Hoàng Thị Phảng);Đèn giao thông (Mỹ Trang) Giúp bà"đèn xanh đèn đỏ. Gấu qua cầu", " Xe cứu hỏa", " Đèn giao thông"; " Cô dạy con", " Bó hoa tặng cô", Cháu dắt tay ông (Nguyễn Phan Khuê); Bé đi đường (tác giả Nguyễn Thị Kim Chi)<br>- **Chủ đề nước và các hiện tượng tự nhiê**n- Thơ: Mưa rơi (Trương Thị Minh Huệ); Bình minh trong vườn (Đỗ Ngọc Hương). Cầu vồng (Nhược Thuỷ), |

| | |
|---|---|
| | Ông mặt trời (Ngô Thị Bích Hiền); Nắng bốn mùa (Phạm Đình Ân) Nắng bốn mùa. Ông mặt trời" " Mưa rơi", " Trưa hè", " Cả nhà chống bão".<br>- **Chủ đề quê hương, đất nước, Bác Hồ, trường tiểu học**- Thơ: Ảnh Bác, Em yêu nhà em; Ngôi nhà; Bé vào lớp 1 (Đinh Dũng Toàn); Làm quen chữ số (vương Trọng) Cô giáo của em : Ảnh Bác." Quê em", " Bác Hồ của em", " Ảnh Bác", " Làng em có điện", " Gà học chữ",<br>" Bãi biển quê em".<br>- Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. |
| **MT50**. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.tranh. Kể có thay đổi một vài tình tiết trong nội dung truyện. | - Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.<br>- Đóng được vai của nhân vật.<br>- Kể chuyện sáng tạo theo nội dung tranh. |
| **MT51**. Sử dụng các từ cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng phù hợp với tình huống. | - Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng<br>Trẻ biết cảm ơn khi được nhận quà hoặc xin lỗi khi nhận thấy sai, thưa khi được nói,,,, |
| **MT52**. Không nói leo, không nói tục, chửi bậy, không ngắt lời người khác khi trò chuyện. | - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.<br>Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác...<br>Nói lễ phép, sử dụng các từ lịch sự. |
| **MT53**. Thích đọc những chữ đã học trong môi trường xung quanh. | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.<br>- Không làm nhàu sách, xé sách, ném sách...<br>- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:<br>- Hướng viết của các nét chữ: Đọc ngắt, nghỉ sau các dấu.<br>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.<br>"Đọc" truyện qua các tranh vẽ.<br>Đọc chữ trong môi trường lớp học, chữ các góc, chữ giá, trên đồ dùng... |
| **** Làm quen với việc đọc – viết*** | |
| **MT54**. Trẻ biết chọn sách để đọc và xem. Thể hiện sự thích thú với sách. | - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.<br>Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện... |

| | |
|---|---|
| | Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp.<br>Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện.<br>- Giữ gìn, bảo vệ sách, tranh ảnh..<br>- Trải nghiệm: Ngày hội đọc sách của bé |
| **MT55**. Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân | Nhận biết được các ký hiệu về đồ dùng của trẻ như: Khăn mặt, tủ đựng quần áo.<br>Biết được kí hiệu về thời tiết.<br>Biết và tạo được tên của trẻ.<br>Nhận biết được ý nghĩa của các ký hiệu quen thuộc trong cuộc sống (bảng hiệu giao thông, quảng cáo, chữ viết, cấm hút thuốc, cột xăng...).<br>Nhận biết ký hiệu biểu tượng vui, buồn…<br>Nhận biết được các nhãn hàng hóa. |
| **MT56**. Có một số hành vi như người đọc sách. Biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. Đọc theo truyện tranh đã biết. | - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.<br>- Hướng đọc: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.<br>- Hướng đọc ngắt nghỉ sau các dấu |
| **MT57**. Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. | - Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. Khi không viết thì sử dụng lời nói để giao tiếp. |
| **MT58**. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.<br>Nghe và nhận ra âm giống nhau trong Tiếng Việt. Thích đọc những chữ cái đã biết trong môi trường xung quanh (CS38, CS39). | - Nhận dạng 29 chữ cái.<br>**Trường MN**: LQCC: o,ô,ơ;<br>TCVCC: o,ô,ơ<br>**Bản thân**:LQCC: a,ă,ă; TCVCC: a,ă,â<br>**Gia đình** : LQCC: e,ê; TCVCC: e,ê<br>**Nghề nghiệp** :LQCC: u,ư; TCVCC: u,ư<br>**Động vật:**LQCC: i,t,c; TCVCC i,t,c<br>**Tết và mùa xuân** : LQCC: b,d,đ;m,n.TCVCC b,d,đ; m,n<br>**Giao thông** : LQCC: l,h,k; p,q ,TCVCC l,h,k,p,q<br>**Nước hiện tượng TN** : LQCC: g,y; s,x, TCVCC : g,y; s,x,<br>**Quê hương ĐNBH:** LQCC: v,r TCVCC : v,r<br>- Steam:<br>+ Xếp chữ cái từ hột hạt<br>+ Ong tìm chữ<br>+Trồng chữ cà rốt<br>+Ghép trứng |

| | |
|---|---|
| | +Lắp ghép đoàn tàu chữ cái<br>+Lắp ghép các chữ cái bằng tiếng Anh theo yêu cầu của cô<br>+ Hát/đọc chữ cái bằng tiếng Anh<br>+ Tìm chữ cái trong từ/tiếng Anh…<br>- Montessori: ghép chữ thành từ |
| **MT59.** Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình. Biết giữ đúng tư thế khi ngồi khi tập tô, "viết"(CS1) | + Tập tô chữ cái: o,ô,ơ; a,ă,â; e,ê; u,ư; i,t,c; b,d,đ; m,n; l,h,k; p,q; g,y; s,x; v,r<br>+ Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình<br>* Tư thế ngồi đúng: Ngồi thẳng lưng, lưng áp nhẹ vào ghế, hai châm để thoải mái chậm đất hoặc bệ kê, hai tay đặt ngay ngắn trên bàn, khoảng cách từ mắt đến sách vở 25-30cm. |
| **MT60**. Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái | - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. |
| **4/ Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ** | |
| **MT61**. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp ) theo bài hát, bản nhạc; | Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển, nhạc nước ngoài…); nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc<br>**Chủ đề trường mầm non thân yêu-Vui tết trung thu.**<br>Nghe hát: Ngày đầu tiên đi học (Nguyễn Ngọc Thiện); Bài ca đi học (Phan Trần Bảng); Em yêu trường em (Hoàng Vân); Đi học ( Bùi Đình Thảo).Chiếc đèn ông sao, chữ đẹp mà nết càng ngoan; Rước đèn tháng 8 ( văn Thanh), Thằng Cuội ( Lê Thương) , One little finger, The Finger family song, My Teddy bear. Hello, Bye bye goodbye (Nhạc nước ngoài)<br>**- Chủ đề bản thân, ngày hội của bà, của mẹ..-** Nghe hát: (Trương Quang Lục); Nắm tay thân thiết (Hàn Quốc); Ru con, Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục); Bàn tay mẹ (Bùi Đình Thảo); Bà thương em (Bùi Đình Thảo)Thật đáng chê, em là bông hồng nhỏ.Người tôi yêu tôi thương.Có ông bà có ba má, Tìm bạn thân *(Việt Anh)*, Nắm tay thân thiết *(Nhạc:Hàn Quốc)*.<br>+ Nghe 1 số bài hát bằng tiếng anh: Body parts (các bộ phận của cơ thể, Happy birthday (chúc |

| | |
|---|---|
| | mừng sinh nhật,<br>- **Chủ đề gia đình, ngày hội của cô giáo-** Nghe hát: Khúc hát ru của người mẹ trẻ (Phạm Tuyên), Lời ru trên nương (Trần Hoàn), Tổ ấm gia đình; Mừng tuổi mẹ; Cho con (Trọng Lâm).Ru con mùa đông, Chỉ có một trên đời, mẹ yêu con, đưa cơm cho mẹ em đi cày. Tổ ấm gia đình, gia đình nhỏ hạnh phúc to; Gọi tên hạnh phúc(Nhất Hạnh).<br>**- Chủ đề nghề nghiệp**- Nghe hát: Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý), Lời ru trên nương (TrÇn Hoµn), Hạt gạo làng ta ( Trần Viết Bình), Xe chỉ luồn kim (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Anh phi công ơi (Xuân Giao); Đi cấy (Dân ca quan họ Bắc Ninh); Đưa cơm cho mẹ đi cày , ngày mùa vui, cháu hát về Đảo xa, Ba em là bộ đội hải quân ( Quỳnh Hợp),<br>- **Chủ đề thế giới động vật**- Nghe hát: Em như chim bồ câu trắng (Trần ngọc); Lý hoài Nam (dân ca Quảng Trị); Lượn tròn lượn khéo; Cái cò đi đón cơn mưa (Phạm Tuyên); Chim bay (dân ca liên khu V; Con chim vành khuyên nhỏ (Hoàng Vân); Đuổi chim (Dân ca Nam bộ); Tôm, cua, cá thi tài (Hoàng Thị Dinh) Chú ếch con, gọi trâu, chị ong nâu và em bé, cái bống.trong rừng xanh, dắc trâu ra đồng, Gà gáy le te<br>**- Chủ đề thế giới thực vật-Tết và mùa xuân,** - Nghe hát: Em thêm một tuổi, Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện); Mùa xuân nho nhỏ; Cây trúc xinh (Dân ca Bắc Ninh); Lý chiều chiều (Dân ca ); Hoa thơm bướm lượn (dân ca); Chúc xuân; Hoa trong vườn, vườn cây của ba, ngày tết quê em, quả, Lý cây bông. Cây trúc xinh *(Dân ca quan họ Bắc Ninh)*<br>+ Nghe 1 số bài hát bằng tiếng anh: Chúc mừng năm mới( Happy New Year),<br>**- Chủ đề phương tiện và quy định giao thông**- Bài ca cảnh sát giao thông, Bạn ơi có biết; Anh phi công ơi (Xuân Giao); Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca Bắc Ninh) ; Gửi anh một khúc dân ca (Dân ca Nam bộ).Chúng em với an toàn giao thông, Ba em là công nhân lái xe,, Từ một ngã tư đường phố, Khúc hát an toàn giao thông. Anh phi công ơi (*Nhạc:Xuân Giao.Thơ:Xuân Quỳnh),* Bạn ơi có |

| | |
|---|---|
| | biết (*Hoàng Văn Yến*);<br>**- Chủ đề nước và một số hiện tượng tự nhiên**- Tia nắng hạt mưa; Mùa hè chia tay; Mưa rơi( Dân ca Tây bắc); Bèo dạt mây trôi (Dân ca Bắc Ninh); Ngày mùa (Văn Cao). Reo vang bình minh, Nhạc rừng, Đếm sao. Tia nắng hạt mưa; Con kênh xanh xanh, Bèo dạt mây trôi (Dân ca Bắc Ninh);<br>**- Chủ đề quê hương, đất nước, Bác Hồ, trường tiểu học**- Nghe hát: Từ rừng xanh cháu về thăm lăng Bác (Hoàng Long- Hoàng Lân); Em đi giữa biển vàng (Bùi Đình Thảo); Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh; Em nhớ tây Nguyên (Văn Tấn - Trần Quang Huy); Trái đất này là của chúng mình (Trương quang Lục); Bác Hồ người cho em tất cả (Hoàng Long- Hoàng Lân); Quê em (Nguyễn Đức Toàn)Em yêu trường em, quê hương, việt nam quê hương tôi, một vòng việt nam; Trái đất này là của chúng mình (*Định Hải);*Em nhớ Tây Nguyên, Mùa hoa phượng nở, Bác Hồ 1 tình yêu bao la<br>+ Nghe 1 số bài hát bằng tiếng anh: The numbers (những con số),.... |
| **MT62**. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ..<br>- Hát theo, hát được một số bài hát đơn giản, phù hợp bằng tiếng anh. | Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. Đặt lời theo một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn)<br>**- Chủ đề trường mầm non thân yêu**- Bài hát: Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên); Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên); Gác trăng (Hoàng Văn Yến); Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến); Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh); Bàn tay cô giáo (Phạm Tuyên); Chào ngày mới (Hoàng Văn Yến); Đêm trung thu (*Phùng Như Thạch*),Ông trăng miệng cười ( Trương kiều Diễm)<br>**- Chủ đề bản thân, ngày hội của bà, của mẹ..**- Bài hát: Khuôn mặt cười (Nhạc Hàn Quốc); Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Đường và chân (Hoàng Long); Vì sao mèo rửa mặt (Hoàng Long); Trời đã sáng rồi (Nhạc pháp); Bông hồng tặng mẹ và cô; Lý cây |

| | |
|---|---|
| | bông (Dân ca nam bộ); Múa cho mẹ xem (Xuân Giao)Tay thơm tay ngoan.<br>Dạy hát-VĐ: Gọi tên cảm xúc, Thiên thần ở khắp nơi, mẹ ơi, Mẹ ơi có biết, Head Shoulders Knees and Toes. Bé tập đánh răng.Nắm tay thân thiết...bé khỏe bé ngoan, Hello Hello How Are You ( Nhạc NN).<br>**- Chủ đề gia đình, ngày hội của cô giáo**- Bà còng đi chợ (Phạm Tuyên); Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn), Ông cháu (Phong Nhã), Ngôi nhà mới (Mộng Lân), Ru em ngủ (Lê Hoàng Dũng); Bé quét nhà (Hà Đức Hậu); Bầu và bí (Phạm Tuyên); Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân).Bố là tất cả, bàn tay mẹ. Có ông bà- có ba má (Sông Trà) ; Thiên đường búp bê , nhà mình rất vui...<br>- **Chủ đề nghề nghiệp**- Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến), Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu), Bác đưa thư vui tính (Hoàng lân). Em muốn làm (Trịnh Công Sơn), Bé là họa sỹ (Trương Pháp). Ba em là bộ đội Hải quân ( tác giả: Trần Hợp.<br>**- Chủ đề thế giới động vật**- Thương con mèo (Huy Du); Chị ong nâu và em bé; Bắc kim thang (Dân ca nam bộ); Chú voi con ở Bản Đôn (Phạm Tuyên); Đố bạn (Hồng Ngọc); Con chim non (Dân ca Pháp); Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê); Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền); Ba con bướm (Sóng Trà); Gọi bướm (Đào Ngọc Dung); Chim chích bông; Vật nuôi (Nhạc Anh- Dịch; Đào Ngọc Dung) Gà trông thổi kèn. Chú mèo con (*Nguyễn Đức Toàn*), Cá vàng bơi (*Hà Hải*), Voi làm xiếc, Cún con và Mèo Mi; Chú thỏ con, Baby Shark, Five Little Ducks, We're Going to the Zoo.<br>**- Chủ đề thế giới thực vật-Tết và mùa xuân-Ngày vui 8/3:** - Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Màu hoa (Hồng Đăng); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); Lá xanh (Thái Cơ); Hoa trường em (Dương Hưng Bang); Xoè hoa (Dân ca Thái); Bầu và bí (Phạm Tuyên); Sắp đến tết rồi; Lý cây xanh (Dân ca nam bộ); Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu); Ngày vui 8/3 ( Hoàng Văn Yến); Ngày hội |

| | |
|---|---|
| | của bà của mẹ; Bầu và bí (*Nhạc:Phạm Tuyên.Lời:Dân ca cổ*), Em thêm một tuổi (*Trương Quang Lục*), Sắp đến tết rồi (*Hoàng Vân* ); Cùng múa hát mừng xuân (*Hoàng Hà*); vườn cây của ba, quả thị... Như hoa mùa xuân (Tác giả Châu Đăng Khoa)<br>- **Chủ đề phương tiện và quy định giao thông:** Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường); Đèn đỏ đèn xanh (Lương Vĩnh); Lái máy bay (*Xuân Giao*); Đi đường em nhớ (*Nguyễn Thị Thanh)*, Bạn ơi có biết không.Cô dạy bé bài học giao thông. Lời cô dặn, chúng em với an toàn giao thông.<br>- **Chủ đề nước và một số hiện tượng tự nhiên**- Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Hạt nắng hạt mưa (Hạt nắng, hạt nắng cho mẹ ra đồng…); Mây và gió (Minh Quân); sau mưa; Mùa hè đến; Khúc ca bốn mùa; Em yêu mùa hè quê em, bé yêu biển lắm<br>- **Chủ đề quê hương yêu dấu, Bác Hồ, trường tiểu học**- Em yêu thủ đô: Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Nhớ giọng hát Bác Hồ (Thanh Phúc); Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng); Múa với bạn Tây Nguyên (Phạm Tuyên); Xoè hoa (Dân ca Thái) đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, Tạm biệt búp bê, cháu vẫn nhớ trường mầm non. Em mơ gặp Bác Hồ *(Xuân Giao*); yêu Hà nội, Quê hương tươi đẹp; xin chào việt nam,<br>+ **Hát được 1 số bài hát tiếng anh đơn giản:**<br>- Happy Birthday (Chúc mừng sinh nhật)<br>- I like animals ( tôi yêu động vật )<br>- If you are happy song ( bài hát nếu bạn vui vẻ )<br>- Feelings song ( bài hát về cảm xúc )<br>- One two three song ( bài hát 1,2 ,3 )<br>- Pencil song ( bài hát về bút chì )<br>- Let's go kids ( các bé hãy đi nào )<br>- Claps your hand ( vỗ tay )<br>- How's the weather ? ( thời tiết như thê nào ?) |
| **MT 63**. Thể hiện cảm xúc và vận dộng nhịp nhàng phù hợp với | **Chủ đề trường mầm non thân yêu**- Bài hát: ; Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên); Gác trăng (Hoàng Văn Yến); Ngày vui của bé (Hoàng Văn |

| | |
|---|---|
| nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.. | Yến); (Cao Minh Khanh); Chào ngày mới (Hoàng Văn Yến)<br>- **Chủ đề bản thân, ngày hội của bà, của mẹ..-** Bài hát: Mời bạn ăn (Trần Ngọc); Đường và chân (Hoàng Long); Bông hồng tặng mẹ và cô; Lý cây bông (Dân ca nam bộ); Múa cho mẹ xem (Xuân Giao), Gọi tên cảm xúc,<br>- **Chủ đề gia đình, ngày hội của cô giáo**- Bà còng đi chợ (Phạm Tuyên); Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn), Ông cháu (Phong Nhã), Ngôi nhà mới (Mộng Lân), Ru em ngủ (Lê Hoàng Dũng); Bé quét nhà (Hà Đức Hậu); Bầu và bí (Phạm Tuyên); Cô giáo miền xuôi (Mộng Lân).<br>- **Chủ đề nghề nghiệp**- Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền); Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến), Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu), Bác đưa thư vui tính (Hoàng lân).<br>**- Chủ đề thế giới động vật**- Thương con mèo (Huy Du); Chị ong nâu và em bé; Bắc kim thang (Dân ca nam bộ); Chú voi con ở Bản Đôn (Phạm Tuyên); Đố bạn (Hồng Ngọc); Con chim non (Dân ca Pháp); Con chuồn chuồn (Vũ Đình Lê); Chị ong nâu và em bé (Tân Huyền); Ba con bướm (Sóng Trà); Gọi bướm (Đào Ngọc Dung); Chim chích bông; Vật nuôi (Nhạc Anh- Dịch; Đào Ngọc Dung)<br>**- Chủ đề thế giới thực vật-Tết và mùa xuân-Ngày vui 8/3:** - Em yêu cây xanh (Hoàng Văn Yến); Màu hoa (Hồng Đăng); Mùa xuân đến rồi (Phạm Thị Sửu); Lá xanh (Thái Cơ); Hoa trường em (Dương Hưng Bang); Xoè hoa (Dân ca Thái); Bầu và bí (Phạm Tuyên); Sắp đến tết rồi; Lý cây xanh (Dân ca nam bộ); Hoa kết trái (Phạm Thị Sửu); Ngày vui 8/3 ( Hoàng Văn Yến); Ngày hội của bà của mẹ.<br>- **Chủ đề phương tiện và quy định giao thông:** Bác đưa thư vui tính (Hoàng Lân); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường); Đèn đỏ đèn xanh (Lương Vĩnh).<br>- **Chủ đề nước và một số hiện tượng tự nhiên**- Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà); Hạt nắng hạt |

| | |
|---|---|
| | mưa (Hạt nắng, hạt nắng cho mẹ ra đồng…); Mây và gió (Minh Quân); sau mưa; Mùa hè đến; Khúc ca bốn mùa.<br>- **Chủ đề quê hương yêu dấu, Bác Hồ, trường tiểu học**- Em yêu thủ đô: Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Nhớ giọng hát Bác Hồ (Thanh Phúc); Quê hương tươi đẹp (Dân ca Nùng); Múa với bạn Tây Nguyên (Phạm Tuyên); Xoè hoa (Dân ca Thái) Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhanh, chậm, phối hợp.<br>* Steam<br>- Xòe và nắm<br>- Hạt mưa giận dữ<br>- Nhảy theo tiết tấu<br>- Vòng tròn tiết tấu |
| **MT 64**. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. | – Bộc lộ cảm xúc và nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.<br>– Nhận xét các sản phẩm của trẻ, bạn sau khi tực hiện |
| **MT 65**. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.<br>- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.<br>- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục<br>Trẻ biết tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày theo cách riêng như cắm hoa, sắp đặt đồ vật, lời nói, cử chỉ.... (CS 63) | - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.<br>- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục<br>- **Chủ đề trường mầm non thân yêu:**<br>+ Trang trí rèm cửa lớp học.<br>- **Chủ đề bản thân, ngày hội của bè, của mẹ...:**<br>+ Làm búp bê bằng rơm.<br>+ Trang trí khăn quàng cổ.<br>+ Làm đồng hồ đeo tay.<br>+ Làm găng tay<br>**Chủ đề gia đình, ngày hội của cô giáo:**<br>+ Làm thiệp chúc mừng cô giáo.<br>+ Làm quà tặng cô giáo.<br>+ Làm tranh gia đình của bé.<br>+ Làm cà vạt tặng bố.<br>**- Chủ đề nghề nghiệp:**<br>+ Gấp quạt giấy.<br>+ Làm đồ dùng, dụng cụ của chú bộ đội, vẽ tranh |

| | |
|---|---|
| | chú bộ đội bảo vệ biên cương.<br>**Chủ đề thế giới động vật:**<br>+ Làm con vật từ các nguyên vật liệu.<br>+ Làm con gà.<br>+ Xé, dán đàn cá.<br>**- Chủ đề thế giới thực vật-Tết và mùa xuân:**<br>+ Làm thiệp chúc mừng ngày 8/3.<br>+ Gấp hoa sen<br>+ Vẽ hoa bằng vân tay.<br>+ Vẽ theo chủ đề.<br>+ Cắm hoa<br>**Chủ đề phương tiện và quy định giao thông:**<br>+ Gấp và dán máy bay.<br>+ Làm ô tô.<br>+ Gấp thuyền.<br>**Chủ đề nước và một số hiện tượng tự nhiên:**<br>+ Làm mưa ngũ sắc.<br>+ Làm phao bơi.<br>- Chong chóng từ lá dừa<br>**- Chủ đề quê hương yêu dấu, Bác Hồ, trường tiểu học:**<br>+ Trang trí khung ảnh Bác Hồ; Làm quà tặng cô giáo từ các nguyên vật liệu thiên nhiên |
| **MT66**. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. Nói lên ý tưởng tạo hình.<br>- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. | **- Chủ đề trường mầm non thân yêu:**<br>+ Vẽ, tô màu đồ chơi trong trường mầm non.<br>+ Vẽ, tô màu cô giáo.<br>**Chủ đề bản thân, ngày hội của bè, của mẹ.**<br>+ Vẽ, tô màu chân dung bé.<br>**- Chủ đề gia đình, ngày hội của cô giáo:**<br>+ Vẽ chân dung người thân trong gia đình.<br>+ Vẽ cái nồi<br>+ Vẽ trang trí cái cốc.<br>**Chủ đề nghề nghiệp:**<br>+ Vẽ đồ dùng, dụng cụ nghề nông.<br>+ Vẽ tranh chú bộ đội bảo vệ biển đảo<br>**Chủ đề thế giới động vật:**<br>+ Vẽ con gà trống.<br>+ Vẽ tranh theo chủ đề thế giới động vật.<br>**- Chủ đề thế giới thực vật-Tết và mùa xuân-Ngày vui 8/3:**<br>+ Vẽ hoa bằng vân tay |

| | |
|---|---|
| | + Vẽ cây bằng dấu vân tay.<br>+ Vẽ tranh theo chủ đề.<br>**Chủ đề phương tiện và quy định giao thông:**<br>+ Vẽ tàu thuyền trên biển.<br>+ Vẽ tranh theo chủ đề<br>**Chủ đề nước và một số hiện tượng tự nhiên:**<br>+ Vẽ cảnh biển.<br>+ Vẽ trang phục theo mùa theo ý thích.<br>**Chủ đề quê hương yêu dấu, Bác Hồ, trường tiểu học:**<br>+ Vẽ cảnh quê hương em.<br>+ Vẽ vườn hoa lăng Bác.<br>+ Vẽ tranh về quê hương.<br>+ Vẽ đồ dùng học tập.<br>+ Vẽ, tô màu trường tiểu học.<br>+ Vẽ tranh về trường tiểu học. |
| **MT67**. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. Nói lên ý tưởng tạo hình. | - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục<br>**- Chủ đề trường mầm non thân yêu:**<br>+ Cắt, dán đồ chơi .<br>**- Chủ đề bản thân, ngày hội của bè, của mẹ...:**<br>+ Cắt, dán áo bạn trai, bạn gái..<br>**Chủ đề gia đình, ngày hội của cô giáo:**<br>+ Cắt dán tủ quần áo.<br>+ Cắt dán ngôi nhà từ các hình hình học<br>**Chủ đề nghề nghiệp:**<br>+ Cắt dán hinh ảnh một số nghề.<br>**Chủ đề thế giới động vật:**<br>+ Trang trí tán lá cây.<br>+ Mô hình thế giới đại dương.<br>+ Cắt, dán động vật sống trong rừng.<br>**- Chủ đề thế giới thực vật-Tết và mùa xuân-Ngày vui 8/3:**<br>+ Xé dán cây ăn quả.<br>+ Tạo hình rau, củ, quả.<br>+ Trang trí bưu thiếp ngày tết.<br>+ Cắt (Xé), dán theo chủ đề.<br>**Chủ đề phương tiện và quy định giao thông:**<br>+ Cắt, dán ô tô.<br>+ Xé, dán cột đèn hiệu giao thông.<br>+ Xé dán theo chủ đề.<br>**Chủ đề nước và một số hiện tượng tự nhiên:** |

| | |
|---|---|
| | + Xé, dán mây<br>**Chủ đề quê hương yêu dấu, Bác Hồ, trường tiểu học:**<br>+ Xé, dán bức tranh phong cảnh.<br>+ Cắt, dán đồ dùng học tập. |
| **MT 68**. Trẻ có các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. Nói lên ý tưởng tạo hình. | - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục<br>**Chủ đề trường mầm non thân yêu:**<br>+ Nặn quà tặng bạn<br>**- Chủ đề bản thân, ngày hội của bà, của mẹ.**<br>+ Nặn búp bê mặc váy<br>+ Nặn quà tặng bà, tặng mẹ...<br>**Chủ đề gia đình, ngày hội của cô giáo:**<br>+ Nặn cái bát.<br>+ Nặn cái ấm<br>**Chủ đề nghề nghiệp:**<br>+ Nặn cái lọ.<br>**Chủ đề thế giới động vật:**<br>+ Nặn thú rừng<br>**- Chủ đề thế giới thực vật-Tết và mùa xuân-Ngày vui 8/3:**<br>+ Nặn cây cải<br>**Chủ đề phương tiện và quy định giao thông:**<br>+ Nặn ô tô.<br>+ Nặn thuyền.<br>**Chủ đề nước và một số hiện tượng tự nhiên:**<br>+ Nặn cái ô.<br>+ Nặn cái phao bơi.<br>**Chủ đề quê hương yêu dấu, Bác Hồ, trường tiểu học:**<br>+ Nặn cái cặp.<br>+ Nặn ngôi trường. |
| **MT 69**. Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. Nói lên ý tưởng tạo hình. | - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục<br>- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.<br>Xếp .....<br>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.<br>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. |

| | |
|---|---|
| **MT70.** Thể hiện ý tưởng của bạn thân thông qua các hoạt động khác nhau.Thực hiện một công việc theo cách riêng của mình.<br>Thực hiện một số kỹ năng giải quyết vấn đề đơn giản. (CS70) | - Làm ra sản phẩm tạo hình không giống các bạn khác.<br>- Xây dựng các công trình từ những khối xây dựng khác nhau.<br>- Có những vận động minh họa/ múa sáng tạo khác với hướng dẫn của cô.....<br>- Hiểu một số tình huống có vấn đề, đưa ra ý tưởng giải quyết, áp dụng cánh giải quyết |
| **5/Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội** | |
| **MT71**. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.<br>Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình | Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.<br>Nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.<br>Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).<br>Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.<br>Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. |
| **MT72**. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân. Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi. | - Biết chơi cùng bạn và rủ bạn cùng chơi một số trò chơi hoạt động theo ý thích. |
| **MT73**. Trẻ chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày. Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công | - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).<br>- Tự thực hiện một số hoạt động mà không chờ sự nhắc nhở của người lớn. |
| **MT74**. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. | - Phát biểu ý kiến hoặc trả lời câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại. |
| **MT75**. Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. | - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc. |
| **MT76**. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác( Chỗ ở, nơi làm việc). Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ cùng | - Kính yêu Bác Hồ.<br>- Nhận ra Bác trong ảnh, video,... và biết đến một sô hoạt động của Bác khi còn sống. Bộc lộ cảm xúc qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. |

| | |
|---|---|
| cô kể chuyện về về Bác Hồ. | Bài thơ: ảnh Bác. ...<br>Bài hát: Nhớ ơn Bác. Ai....đồng. |
| **MT77**.Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp. Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống(Trang phục, món ăn) của quê hương đất nước. | - Kể tên các danh lam thắng cảnh của quê hương.<br>- Thể hiện tình yêu thiên nhiên, quê hương đất nước. |
| **MT78**. Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc. | - Có ý thức bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.<br>- *GDKNS: Phân loại và xử lý rác thải; những hành động nên và không nên để bảo vệ môi trường; vận dụng một số hoạt động trong chương trình GDKNS POKI, STEAM..* |
| **MT79**. Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. | - Biểu lộ cảm xúc phù hợp khi được người khác quan tâm<br>- Trấn tĩnh lại và kiềm chế những hành vi tiêu cực khi có cảm xúc thái quá (như đánh bạn, cào cấu, cắn, gào khóc...) với sự giúp đỡ của người lớn.<br>- Sử dụng lời nói diễn tả cảm xúc tiêu cực của bản thân khi giao tiếp với bạn bè và người thân để giải quyết một số xung đột trong sinh hoạt hàng ngày. |
| **MT80**. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và công cộng : Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi qui định, Không làm ồn nơi đông người, vâng lời bố mẹ, ông bà, anh chị, biết xin phép khi đi chơi, chơi xong biết cất đồ chơi đúng nơi quy định,.. | - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). |
| **MT81**.Trẻ biết chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. chú ý nghe cô, bạn nói không ngắt lời người khác. | - Chủ động trò chuyện, giao tiếp với bạn và mọi người |
| **MT82**. Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó | - Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.<br>- Cùng học cùng chơi với bạn, giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn. |

| | |
|---|---|
| khăn. | |
| **MT83.**Có nhóm bạn chơi thường xuyên. | - Chơi với tất cả các bạn nhưng thể hiện sự thân thiện với một nhóm bạn nhất đinh trong các hoạt động. Đoàn kết thân thiện trong nhóm bạn, - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. Lắng nghe ý kiến của người khác, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. |
| **MT84**.Hợp tác làm việc với bạn trong thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nhằm đạt mục tiêu. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. (CS68) | - Sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi được phân công và cố gắng hoàn thành công việc của mình |
| **MT85**.Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.<br>Nhận biết và thể hiện cảm xúc phù hợp với mọi người xung quanh. Điều chỉnh cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh ( CS19,CS20) | - Biết mình làm việc này, việc khác ảnh hưởng đến người khác và không làm những việc đó. Khi cần giúp đỡ biết nhờ người khác |
| **MT 86**. Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi,chào hỏi lễ phép.<br>*Biết chào hỏi tạm biệt bằng tiếng anh.* | - Biết chào hỏi khi gặp người lớn tuổi. Biết chào hỏi tạm biệt bằng tiếng anh. Xin lỗi khi làm sai và cảm ơn khi được giúp đỡ<br>*+ Hello/hi! (xin chào), good morning! ( chào buổi sáng), googbye/ bye bye (tạm biệt nhé)*<br>*- Montessori: Bé học cách chào hỏi, bé học cách cảm ơn và xin lỗi* |
| **MT87**.Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. Bỏ rác đúng nơi quy định. Nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường. Tiết kiệm trong sinh hoạt hàng ngày(tắt điện, tắt quạt, khóa vòi nước khi không sử dụng). | - Giữ gìn vệ sinh môi trường.<br>- Bỏ rác đúng nơi quy định<br>- Thực hiện tiết kiệm điện, nước Giữ gìn vệ sinh môi trường<br>- Phân các loại rác<br>Chăm sóc vườn hoa, cây cảnh..<br>*.GDKNS: Bé tiết kiệm điện; bé tiết kiệm nước; tiệc buffe cho bé; vận dụng một số hoạt động trong chương trình GDKNS POKI, STEAM..* |
| **MT88**.Nhận xét một số hành vi đúng sai của con người đối với môi trường. | - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng"-"sai", "tốt" - "xấu".<br>- Hành vi đúng hoặc sai của bản thân, của bạn đối MT: |

| | |
|---|---|
| | + Hành vi đúng: Bỏ rác dúng nơi quy định; tưới cây, chăm sóc cây; tiết kiệm điện nước...<br>+ Hành vi sai: Bỏ rác bừa bãi, bứt lá bẻ cành... |
| **MT89**.Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.<br>Có trách nhiệm với bản thân, người khác.(CS21) | - Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân(Con gái nhẹ nhàng hơn, con trai dũng cảm hơn,...)<br>- Cách ăn mặc, điệu bộ, cử chỉ phù hợp với giới tính của bản thân..... |
| **MT90**.Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.<br>Phản ánh với người xung quanh đúng sự việc xảy ra.(CS27) | - Tìm cách để giải quyết mâu thuẫn trong nhóm bạn bè<br>- Nhận ra và có ý kiến về sự không công bằng giữa các bạn (thể hiện bằng lời nói, hành động về sự công bằng trong nhóm bạn bè).<br>- Có ý thức xử sự công bằng với bạn bè trong nhóm.<br>- Bảo vệ quyền lợi chính đáng cho bạn.<br>- Bảo vệ bạn khi người khác bắt nạt. |
| **MT91**. Giáo dục tăng cường: Tiếng anh. Trẻ đếm từ 1 đến 10. Phát âm một số đồ dùng và tên gọi con vật cây cối quen thuộc.Trẻ đọc và phát âm và tô màu chữ cái bằng tiếng anh,<br>Tin học: Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính… | Tăng cường: Tiếng anh: Trẻ có thể trả lời và đặt câu hỏi về tên của mình và của bạn bằng tiếng anh. Trẻ đọc và phát âm chữ cái bằng tiếng anh.<br>Trẻ có thể đọc và phát âm tiếng anh từ 1-10.<br>*Chủ đề gia đình*: Đồ dùng gia đình: Table ( bàn ); Chair (ghế) ; Window ( cửa sổ ); Door( cửa )<br>- *Chủ đề thực vật:* Một số loại quả: apple (Quả táo), banana ( quả chuối), orange ( quả cam),…<br>- *Chủ đề động vật:* Một số con vật quen thuộc: Horse ( con ngựa); Sheep ( con cừu );Cow ( con bò); Bird(con chim)<br>Duck ( con vịt ); Cat ( con mèo ) Dog ( con chó ); Donkey ( con lừa )<br>- *Chủ đề giao thông*:Một số phương tiện giao thông: Truck ( xe tải ); Airplane ( máy bay );Bus ( xe buýt ); Train ( xe lửa ); Car ( ô tô ); Taxi ( xe tắc xi ); Bike (xe đạp)<br>Motorbike ( xe máy ); Boat ( thuyền )<br>- *Màu sắc:* White (trắng); blu (xanh dương); black (đen); red (đỏ); pink (hồng); green (xanh lá); orange (cam); yellow (vàng); purple (hồng)...<br>- *Chủ đề bản thân*: Hand ( tay), Foot (chân), nose (mũi); eye (mắt), ear (tai), belly (bụng), back (lưng)<br>**Hiện tượng tự nhiên:* |

| | |
|---|---|
| | - Star (Ngôi sao); Sunny ( nắng ); Rainny ( mưa ); Windy ( gió ); Snowy ( tuyết ); Cloudy ( mây )<br>One; Two, Three, Four, Five, Six, Seven, Eight, Nine,. Trẻ biết đọc tên các laoij quả, các con vật, các PTGT… bằng tiếng anh:<br>Ví dụ: What's your name? (Tên của bạn là gì?)<br>Hi, I'm Minh, and you? (Xin chào, tôi tên Minh, còn bạn?)<br>Giáo dục tăng cường Tin học: Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính… |
| **MT92**. Giáo dục năng khiếu Aerobic<br>- Cuối năm học 90% trẻ thực hiện tốt các kỹ thuật như: tách khép chân, lắc hông, di chuyển đá chân trước, sau, ngang.<br>- Trẻ tập luyện được 7 bước Aerobic cơ bản và kết hợp động tác di chuyển chân và tay.<br>- Thực hiện được các động tác di chuyển phối hợp vũ đạo tay chân,các động tác điều hòa kết hợp. | - Kết hợp diễu hành và chạy bộ, nâng đầu gối, bài tập ép dẻo (vai, ngực, lưng, lườn, hông):<br>- Kết hợp nhảy co duỗi nâng gối nhảy cách quảng, thực hiện di chuyển đá chân trước, sau, ngang:<br>- Kết hợp nâng gối đá chân và đánh ta, xoạc ngang, dọc dẻo lưng ke ngang: Kết hợp tách ngang, nhảy chéo chân trước sau<br>- Kết hợp nâng đầu gối nhảy cách quảng và nhảy trước sau, các động tác phối hợp, kiểng chân khuỵ gối, kiểng chân di chuyển:<br>Các động tác di chuyển phối hợp vũ đạo tay, sóng thân, động tác thăng bằng<br>Kết hợp 7 bước cơ bản, bài tập ép dẻo, trường dẻo: Kết hợp đá chân, tách ngang và tách trước sau, nhón chân di chuyển kết hợp tay, bước ngang di chuyển:<br>Nhảy thu gối chống đẩy, bật quay ½ vòng, bật co gối, sóng thần, điều hoà: Dựng bài cuối năm |